

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:122/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2022

*V/v Tranh chấp về hôn nhân gia
đình và nuôi con chung*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Việt Thống và ông Nguyễn Lập Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên
tòa:** Ông Phạm Trường Xuân - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 454/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2022 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà H Ni, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Y Đhi, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Các đương sự cùng trú tại địa chỉ: Buôn J, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà H Ni trình bày:

Bà và ông Y Đhi tự nguyện chung sống với nhau và có đăng kí kết hôn tại UBND xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05 tháng 9 năm 2013.

Quá trình chung sống, vợ chồng bà có 01 con chung là cháu Y H, sinh ngày 13/11/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông Y Đhi thường xuyên ghen tuông, chửi mắng bà và mẹ bà, ngoài ra còn hay uống rượu say và đập phá đồ đạc trong nhà. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, nay bà không còn tình cảm vợ chồng với ông Y Đhi nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y Đhi.

Về con chung: Từ khi ly thân cho đến nay cháu Y H ở cùng với bà, nay bà có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Tôi không yêu cầu ông Y Đhi cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn ông Y Đhi để hòa giải theo quy định nhưng ông Y Đhi đều vắng mặt không có lý do nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H Ni là có căn cứ vì vậy đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: xử cho bà H Ni được ly hôn với ông Y Đhi.

Về con chung: Giao cháu Y H, sinh ngày 13/11/2013 cho bà H Ni nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H Ni không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H Ni tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện của bà H Ni, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản

1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà H Ni có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Y Đhi mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt ông Y Đhi.

[3] *Về nội dung vụ án*: Căn cứ vào lời trình bày của bà H Ni, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H Ni và ông Y Đhi có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại địa phương. Tuy nhiên do mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nên ông Y Đhi và bà H Ni đã sống ly thân ông Y Đhi đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà H Ni và ông Y Đhi xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà H Ni xin ly hôn ông Y Đhi là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Bà H Ni và ông Y Đhi có 01 con chung là cháu Y H, sinh ngày 13/11/2013 thì bà H Ni có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y H đến tuổi thành niên.

Về con chung thì quá trình giải quyết vụ án ông Y Đhi đều vắng mặt tại tòa và theo kết quả xác minh tại địa phương nơi ông Y Đhi sinh sống thì xác định ông Y Đhi đã về nhà mẹ đẻ sinh sống và cũng không chăm sóc con cái nên không thể giao con chung cho ông Y Đhi chăm sóc nuôi dưỡng được. Xét thấy cháu Y H còn nhỏ nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ và xét nguyện vọng của bà H Ni và nguyện vọng của cháu Y H muốn ở với mẹ nên cần giao cháu Y H cho bà H Ni nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H Ni không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H Ni không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra để xem xét.

[4] Về án phí: Bà H Ni phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H Ni. Bà H Ni được ly hôn với ông Y Đhi.

Về con chung: Giao cháu Y H, sinh ngày 13/11/2013 cho bà H Ni trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Y Đhi được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H Ni không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H Ni và ông Y Đhi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí:

Bà H Ni phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐST được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà H Ni đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0012986 ngày 26/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Y Đhi không phải chịu tiền án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THATAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

